

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày: 15 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông
Ông Phan Lâm Tự

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS, ngày 14 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức A; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/3/2005. Nơi sinh: phường A, Tp., tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau). Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số A, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh tỉnh Bạc Liêu (nay là Số A, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Ú (s) và bà Lê Thị P (c); A, chị, em ruột: bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

- Tiền án: 02 tiền án (ngày 09/6/2022 Tòa án nhân dân Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử Nguyễn Đức A về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng tù (Bản án số 41/2022/HS-ST, ngày 09/6/2022), bị cáo chưa đóng án phí; Ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử Nguyễn Đức A về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù (Bản án số 65/2022/HS-ST, ngày 21/7/2022), bị cáo chưa đóng án phí. Khi bị kết án tại 02 bản án trên, bị cáo Nguyễn Đức A chưa đủ 18 tuổi.

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 03/5/2025 đến ngày ngày 05/5/2025 thì chuyển tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam huyện T, trại tạm giam số 02, Công an T3 (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Kim N1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

+ Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/9/2024, bị cáo Nguyễn Đức A đang ở tiệm internet tại phường G, thành phố B (nay là phường B) chơi game cùng với các đối tượng T1, X, Trọc E, Chó Con thì H đi lại tìm Đức A và hỏi “tôi nay mày có đi không?” tức là có đi cùng H trộm tài sản không, lúc này Đức A trả lời “có” nên H đi vào nói với T1, X, Trọc E, Chó Con thì cả nhóm đồng ý, sau đó tất cả ở lại chơi game đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì cả nhóm bắt đầu đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi thì H chở Đức A, T2 chở X, Chó Con chở T1 rồi lưu thông trên tuyến Quốc lộ A đi từ hướng thành phố B về Sóc Trăng để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/10/2024 thì cả nhóm đi đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Đắc N2, tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp B, xã T, Tp .) thì H phát hiện bên trong có 02 chiếc xe mô tô loại Exciter, 01 chiếc màu đỏ đen biển số 70F1-263.92 và 01 chiếc màu xanh trắng biển số 83P2-074.79 của bị hại Nguyễn Văn T đang gửi sửa, nên H dùng xe bên phải để cảnh giới, rồi kêu Đức A đột nhập vào bên trong để trộm cắp xe mô tô. Đức A leo qua rào lưới B40 lấy cây kéo có sẵn bên trong để cắt ổ khoá, loại khoá vòng bằng kim loại để mở cổng, sau đó thì Đức A đến cầm tay vào đuôi xe 70F1-263.92 định dẫn đi nhưng do xe đang dựng đứng chân chống, nên sợ đẩy đi có tiếng động, nên Đức A dẫn xe Exciter màu xanh-trắng biển số 83P2-074.79 đang đậu kế bên đi ra lộ, lúc đầu xe 83P2-074.79 không nổ máy, nên H điều khiển xe của H đẩy xe 83P2-074.79 Đức Anh trộm được về hướng thị xã N. Khi đi được một đoạn thì dừng xe lại xem thì thấy dây bugi bị rớt ra nên Đức A lấy gắn lại và khởi động xe chạy được, sau đó cả nhóm chạy xe về nhà trọ của H ở thành phố B rồi ngủ. Khoảng 03 - 04 ngày sau, Đức A giao xe cho H đi bán một mình, Đức A không biết bán cho ai, ở đâu, H nói bán được 4.000.000 đồng, H chia Đức A và H mỗi người 1.200.000 đồng, còn T1, X, Trọc E, Chó Con thì H chia cho mỗi người 400.000 đồng.

Đến sáng ngày 01/10/2024 Nguyễn Đắc N2 phát hiện xe của anh Nguyễn Văn T gửi sửa đã bị mất nên trình báo đến cơ quan Công an. Qua công tác khám nghiệm

hiện trường Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 đoạn videos ghi lại hành ảnh đối tượng đột nhập trộm cắp xe mô tô 83P2-074.79, đồng thời thu giữ được dấu vân tay trên cangk sau, đuôi xe 70F1 – 263.92 nên đã tiến hành yêu cầu tra cứu đến Cục hồ sơ nghiệp vụ Bộ C.

Tại Thông báo số 68222/V06(TT) ngày 30/10/2024 của Cục H1 nghiệp vụ Bộ C kết luận: Kết quả tra cứu Hệ thống nhận dạng vân tay tự động (VAFIS) và hồ sơ tàng thư nghiệp vụ do V06 quản lý, xác định: Dấu vết kí hiệu 01 đồng nhất với đường vân ngón cái bàn tay phải của đối tượng có thông tin lai lịch như sau: Họ và tên: Nguyễn Đức A; sinh ngày 15/3/2005; Địa chỉ: số A, khóm A, phường A, TP ., tỉnh Bạc Liêu; Họ tên cha: Nguyễn Văn Ú; Họ tên mẹ: Lê Thị P.

Ngày 03/5/2025 Nguyễn Đức A đã đến Công an thị trấn P, huyện T (nay là Công an xã P, Tp.Cần Thơ) đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 22/10/2024 Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản đối với xe mô tô 83P2 – 074.79 đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận xe mô tô 83P2-074.79 có giá trị là 11.965.200 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đức A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ gồm:

+ 01 khoá vòng kim loại bên ngoài bọc nhựa màu vàng bị cắt rời, đầu khoá và chốt khoá vẫn còn gắn với nhau;

+ 02 đĩa DVD bên trong có lưu đoạn camera ghi nhận hình ảnh Nguyễn Đức A lấy trộm tài sản.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ để xét xử Nguyễn Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:*

Bị cáo Nguyễn Đức A với bản tính lười lao động, nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên vào ngày 01/10/2024 bị cáo cùng các đối tượng H, T1, X, Trọc E, Chó Con (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) đi tìm tài sản của người khác để trộm cắp. Khi đến tiệm sửa xe của anh Nguyễn Đắc N2 tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp B, xã T, Tp.Cần Thơ) thì đối tượng tên H và bị cáo Đức A phát hiện xe mô tô 83P2 – 074.79 của anh Nguyễn Văn T đang đậu bên trong để gửi cho anh N2 sửa nên bị cáo Đức A đã lén lúc đột nhập vào trộm xe 83P2 – 074.79 của anh T có trị giá 11.965.200 đồng về cho đối tượng tên H bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo Đức A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nhưng xét về nhân thân: Bị cáo Anh trước đây vào ngày 09/6/2022 đã bị Tòa án nhân

dân Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt 06 tháng tù (Bản án số 41/2022/HS-ST, ngày 09/6/2022), bị cáo chưa đóng án phí. Đến ngày 21/7/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt 01 năm 06 tháng tù (Bản án số 65/2022/HS-ST, ngày 21/7/2022). Tuy nhiên, thời điểm phạm tội đối với 02 bản án nêu trên thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, cho nên căn cứ Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo được coi là không có án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đức A đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã đến Công an đầu thú về hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đối với các đối tượng H, T1, X, Trọc E, Chó Con (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể), khi nào xác định được lai lịch, địa chỉ thì Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

+ Về trách nhiệm dân sự: Việc người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị mất trộm với số tiền 50.000.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý bồi thường cho người bị hại giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 khoá vòng kim loại bên ngoài bọc nhựa màu vàng bị cắt rời, đầu khoá và chốt khoá vẫn còn gắn với nhau.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Đức A: Thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình. Đồng thời gửi lời xin lỗi đối với người bị hại.

- Tại phiên toà, người bị hại anh Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Anh yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với giá trị của chiếc xe mô tô của anh bị mất là 50.000.000 đồng. Vì đối với chiếc xe trên là quà kỷ niệm của gia đình bên vợ cho anh nên nó còn có ý nghĩa về mặt tinh thần đối với anh. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức N trình bày: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị mất trộm cho anh Nguyễn Văn T theo giá trị mà anh T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người làm chứng ông Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa. Do việc vắng mặt của người làm chứng ông V không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[3] Về chứng minh và chứng cứ: Xét thấy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 85, 86, 87, 88, 89, 90, 92, 94, 98, 101, 102, 104, 105, 108 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 01/10/2024, bị cáo Nguyễn Đức A cùng các đồng phạm H, T1, X, Trọc E, Chó Con (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Đắc N2, tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp B, xã T, Tp .) thì H và Đức A phát hiện xe mô tô 83P2 – 074.79 của anh Nguyễn Văn T đang đậu bên trong nhà của anh Nguyễn Đức N để nhờ anh N sửa nên bị cáo Đức A đã lén lúc đột nhập vào trộm xe 83P2-074.79 đem về cho H bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, qua kết quả định giá giá trị chiếc xe của bị hại có giá trị là 11.965.200 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức A cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

Hành vi của bị cáo gây ra như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của anh Nguyễn Văn T mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra, bản thân bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì bản tính lười lao động và muốn có tiền để tiêu xài, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô 83P2 – 074.79 của anh Nguyễn Văn T có trị giá 11.965.200 đồng nên bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, với hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Cho nên Cáo trạng số: 13/CT-VKS, ngày 13 tháng

8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nhưng xét về nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đức A vào ngày 09/6/2022 đã bị Tòa án nhân dân Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, với mức hình phạt 06 tháng tù (theo Bản án số 41/2022/HS-ST, ngày 09/6/2022), bị cáo chưa đóng án phí. Đến ngày 21/7/2022, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (theo Bản án số 65/2022/HS-ST, ngày 21/7/2022). Tuy nhiên, thời điểm phạm tội đối với 02 bản án nêu trên thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, cho nên căn cứ Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo được coi là không có án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã đến công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Đức A nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà người bị hại anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mất trộm là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền đối với giá trị chiếc xe bị mất trộm là 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS, ngày 28/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu trắng xanh (39.884.000đ x 30%) có giá trị còn lại là 11.965.200 đồng. Sau khi có kết luận định giá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có thông báo kết luận định giá cho anh Nguyễn Văn T và anh T cũng đã thống nhất kết quả định giá đó. Tại phiên toà, anh T cho rằng chiếc xe bị mất trộm là do gia đình bên vợ cho anh, chiếc xe có giá trị kỷ niệm về mặt tinh thần, nên anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tương đương 50.000.000 đồng. Việc người bị hại nêu ra vấn đề nêu trên để yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe 50.000.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường giá trị chiếc xe cho người bị hại với số tiền là 20.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Đối với các đối tượng H, T1, X, Trọc E, Chó Con cùng với bị cáo Nguyễn Đức A rủ nhau đi thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào xác định được lai lịch, địa chỉ thì sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 khoả vòng kim loại bên ngoài bọc nhựa màu vàng bị cắt rời, đầu khoá và chốt khoá vẫn còn gắn với nhau.

[9] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm (đối với số tiền bồi thường thiệt hại) theo quy định của pháp luật; Người bị hại anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 03/5/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Đức A bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Đức A còn phải trả lãi cho bị hại theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ 01 khoả vòng kim loại bên ngoài bọc nhựa màu vàng bị cắt rời, đầu khoá và chốt khoá vẫn còn gắn với nhau.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Nguyễn Đức A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Với nhận:

TAND thành phố Cần Thơ;
VKSND thành phố Cần Thơ;
VKSND KV7-Cần Thơ;
Công an thành phố Cần Thơ;
Cơ quan điều tra, Phòng hồ sơ nghiệp vụ,
QTHAHS);
Phân Trại tạm giam huyện Thạnh Trị, Trại tạm
giam số 2, Công an TP.Cần Thơ;
THADS thành phố Cần Thơ;
Bị cáo; Bị hại;
Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Đua